ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - *2030 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1322/QĐ-TTg)*, Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2367/TTr- SKHCN ngày 24/10/2025, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung của Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021–2030, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi. Thông qua đó, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; góp phần nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của kinh tế tỉnh Quảng Ngãi, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, tăng năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Hàng năm, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về năng suất chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, hệ thống quản lý tiên tiến và công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động của doanh nghiệp và đội ngũ giảng viên đạt tối thiểu 200 lượt người/năm; đồng thời đào tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng tại chỗ cho tỉnh Quảng Ngãi.

b) Hàng năm, có từ 10 đến 15 doanh nghiệp được hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, hệ thống quản lý tiên tiến (ISO, HACCP, GMP, ISO 56000,...) và công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S, Kaizen, Lean, TPM, năng suất xanh, chuyển đổi số…).

c) Hỗ trợ sản phẩm chủ lực, đặc thù, OCOP áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử và chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng. Đến năm 2030, 100% sản phẩm bắt buộc phải truy xuất nguồn gốc có áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử.

d) Đến năm 2030, xây dựng từ 03 đến 05 mô hình doanh nghiệp điển hình năng suất - chất lượng có hiệu quả rõ rệt để nhân rộng.

e) Hàng năm, có ít nhất 01 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; phấn đấu đến năm 2030 có từ 3 đến 5 lượt doanh nghiệp đạt giải.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí, đồng thời bảo đảm tính kế thừa và đồng bộ với kết quả giai đoạn 2021-2025; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi.

- Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp; phát huy vai trò cơ quan đầu mối của Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác điều phối, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện.

- Bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả định kỳ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế và

định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, đề án liên quan như chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh và chương trình OCOP.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a) Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy, nâng cao năng suất quốc gia, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

b) Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng.

2. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm về áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, năng suất xanh vào doanh nghiệp; các giải pháp hiệu quả, điển hình trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng.

b) Triển khai thông tin, tuyên truyền trên các kênh truyền thông của tỉnh để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về năng suất, chất lượng. Xây dựng các phóng sự, đưa tin về mô hình điểm về năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh nhằm lan toả phong trào năng suất chất lượng đến các cấp, các ngành, địa phương và toàn xã hội.

c) Tổ chức tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động năng suất, chất lượng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

3. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a) Tổ chức đào tạo về năng suất chất lượng cho đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động của doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

a) Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh...

c) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng

a) Tăng cường hợp tác, thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án năng suất của Tổ chức Năng suất Châu Á. Tham gia các hội thảo, huấn luyện trong khuôn khổ các chương trình, dự án năng suất của Tổ chức Năng suất Châu Á và các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực và quốc gia.

b) Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật gia tăng năng suất tại các địa phương trong nước có phong trào năng suất, chất lượng phát triển mạnh, đạt hiệu quả.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định hiện hành; nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị lập dự toán ngân sách hàng năm và quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch; chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch; lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch với các chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch thuộc chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý nhằm đạt mục tiêu của Kế hoạch.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; qua đó kiến nghị, đề xuất và tham mưu cấp có thẩm quyền nhiệm vụ, giải pháp phù hợp nhằm khắc phục khó khăn, hạn chế (nếu có), nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường, đặc khu; các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch và lồng ghép với các chương trình, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý nhằm đạt mục tiêu của Kế hoạch.

b) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để biết, tham gia; gắn kết các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương với hoạt động năng suất chất lượng.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch trong phạm

vi, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao; kiến nghị, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phù hợp nhằm khắc phục khó khăn, hạn chế (nếu có), nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh

a) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách, giới thiệu, hướng dẫn, đề cử doanh nghiệp tham gia Kế hoạch này. Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai nội dung Kế hoạch này.

b) Chủ động nắm bắt nhu cầu, vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến năng suất chất lượng, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, hỗ trợ.

Các nhiệm vụ đang được triển khai theo Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Khoa học và Công nghệ)* để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban TCĐLCLQG;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Chi cục Thống kê tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- Hiệp hội DN tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.BNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền